Số: 122/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-16T17:06:43+07:00

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ THỦY SẢN

(Kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

I. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các đối tượng nuôi nước mặn, lợ

1. Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04–05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08–16		
4	Máy cho ăn	Bộ	04–05		
5	Máy phát điện	Bộ	01–02		
6	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung		Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Thâm canh	Con/m^2	100 - 150	Quy cỡ giống P12, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
		Bán thâm canh		20 - 60		
2	Thức ăn công nghiệp		FCR	≤ 1,3	Hàm lượng protein > 30%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

2. Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	04–05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08–16		
4	Máy cho ăn	Bộ	04–05		
5	Máy phát điện	Bộ	01–02		
6	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm				
	Giai đoạn 1	Con/m²	1.000 – 1.500	Quy cỡ giống P12, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
	Giai đoạn 2	Con/m²	150 – 300		
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,2	Hàm lượng protein > 30%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

3. Nuôi luân canh tôm thẻ chân trắng - lúa, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	≤ 10	Quy cỡ giống P12, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
			≤ 7	Quy cỡ giống 2–3 cm, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,2	Hàm lượng protein > 30%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

4. Nuôi xen canh tôm thẻ chân trắng - lúa, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy	Bộ	01–02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét cải tạo ruộng/ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm	Con/m²	≤ 7	Quy cỡ giống P12, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
			≤ 5	Quy cỡ giống 2 – 3 cm, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,2	Hàm lượng protein > 30%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

5. Nuôi tôm sú thâm canh trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục oxy	Bộ	02–04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08–16		
4	Máy cho ăn	Bộ	04–05		
5	Máy phát điện	Bộ	01–02		
6	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm	Con/m²	25	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein 35–42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu	

				cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

6. Nuôi tôm sú bán thâm canh trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	08–16		
3	Máy cho ăn	Bộ	04–05		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
6	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm	Con/m²	10–15	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc	

				rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein 35–42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

7. Nuôi tôm sú quảng canh cải tiến trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy	Bộ			
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống tôm	Con/m²	≤ 8	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 0,5	Hàm lượng protein 35–42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

8. Nuôi xen ghép các đối tượng thủy sản vùng đầm phá, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống				
-	Tôm	Con/m²	3–5	Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
-	Cá dìa hoặc cá kình, đối mục	Con/m²	0,5–1	Quy cỡ giống > 1 cm, khỏe mạnh, không bị dị hình dị tật, không bị xây sát và sạch bệnh	
-	Cua	Con/m²	0,2	Quy cỡ giống > 1 cm, có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein 35–42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	

	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

9. Nuôi chuyên cá dìa trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	06–12		
3	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới, thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá dìa	Con/m²	8–10	Cá giống cỡ ≥ 5 cm/con; cá khỏe mạnh.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 30%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

10. Nuôi cá giò (bớp) trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Bơm xịt nước vệ sinh lồng	Bộ	02–03		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/tiến bộ kỹ thuật (TBKT) được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	10–15	Cá giống cỡ ≥ 18 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn				
	Giai đoạn 1: Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,5	Hàm lượng protein 40–45%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	

	Giai đoạn 2: cá tạp	FCR	≤ 8,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

11. Nuôi cá song (cá mú) trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Bơm xịt nước vệ sinh lồng	Bộ	02–03		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	20–25	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có	

				nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng protein ≥ 42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

12. Nuôi cá vược, cá hồng mỹ trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	02–03		

4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	25	Cá giống cỡ ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

13. Nuôi cá tráp trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	02–03		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m^3	15	Cá giống cỡ ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

14. Nuôi cá chim vây vàng trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	02–03		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	25–35	Cá giống cỡ 6–8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,3	Hàm lượng protein 30–35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

15. Nuôi ốc hương nuôi trong ao lót bạt trên cát, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống oxy đáy venturi	Bộ	01–02		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–06		
4	Tủ đông (2.000–3.000 lít)	Cái	01–02		
5	Máy phát điện	Bộ	01–02		
6	Thiết bị dụng cụ, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê thuốc, vệ sinh				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Ốc giống	Con/m²	300	Quy cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn tươi	FCR	≤ 5,0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

16. Nuôi hàu thái bình dương, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ khác: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt	Bộ	01–02		
3	Lưới cước	m^2	100		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/giá thể (dây, khay nhựa)	10	Cỡ giống 0,5–1,5 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

17. Nuôi tôm sú 2 giai đoạn trong rừng ngập mặn, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị dụng cụ, thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy thu tôm	Cái	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống			Quy cỡ giống P15, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
	Giai đoạn 1	Con/m²	2.000 - 6.000		
	Giai đoạn 2	Con/m²	≤ 15		
2	Thức ăn			Thức ăn công nghiệp hàm lượng protein > 35–42%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
	Giai đoạn 1	FCR	1,5		
	Giai đoạn 2	FCR	≤ 0,5		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	

	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

18. Nuôi ốc hương trong lồng, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thiết bị cho ăn	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Bơm xịt nước vệ sinh lồng	Bộ	01		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m³	300	Quy cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≥ 7,0	Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		

2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

19. Nuôi vẹm theo hình thức giàn, cọc, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Lưới, cước	m²	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	400	100 con/dây; 4 cọc/m²; 1 dây/cọc; cỡ giống ≥ 0,4 cm/con. Giống khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

20. Nuôi hàu theo hình thức giàn cọc, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cọc	Cái	10.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Lưới cước	m^2	100		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, giỏ lưới, vợt	Bộ	01–02		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/cọc	10	Chất lượng quy định/cỡ giống ≥ 3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	
3	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

21. Nuôi cá tráp vàng (cá hanh) trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		

4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	03–04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét cải tạo ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	1,5	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

22. Nuôi cá hồng đỏ trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	02–03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m^3	15	Cá giống cỡ ≥ 10 cm/con; cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

23. Nuôi cá hồng đỏ trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	02–03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu	Bộ	01–02		
6	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét cải tạo ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	1,5	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

24. Nuôi cá chim vây vàng trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức công lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	03–04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	3	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp	

				dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

25. Nuôi cá vược trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	03–04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: kéo lưới, nạo vét, gia cố bờ ao, thu cá				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	1,5	Cá giống cỡ ≥12 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

26. Nuôi cá hồng mỹ trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	03–04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	1,5	Cá giống cỡ ≥10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

27. Nuôi thương phẩm cá bống bớp bằng thức ăn công nghiệp, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	03–04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	10	Cá giống cỡ ≥ 4 g/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng protein ≥ 38%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

28. Nuôi thương phẩm cá nâu trong ao bằng thức ăn công nghiệp, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ mô hình đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8–10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cá nâu giống	Con/m²	3–5	Quy cỡ giống ≥ 4 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường, vợt)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

29. Nuôi thương phẩm cua biển (Scylla serrata) trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ mô hình đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cua giống	Con/m²	0,5–1	Quy cỡ giống ≥ 1,2 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn (thức ăn công nghiệp hoặc cá tạp)				

	Công nghiệp	FCR	≤ 1,7	Hàm lượng protein ≥ 32%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
	Cá tạp	FCR	≤ 4,0	Cá tạp tươi sống, đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường, vợt)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

30. Nuôi cua biển (Scylla serrata) 2 giai đoạn trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ mô hình đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	01 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Cua giống				
	Giai đoạn 1	Con/m²	≤ 30	Quy cỡ giống 0,5–1 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
	Giai đoạn 2	Con/m²	≤ 1	Sử dụng con giống ương sau 1–1,5 tháng để đưa sang nuôi, quy cỡ giống 3–5 cm/con, giống khỏe mạnh, đồng đều kích cỡ.	
2	Thức ăn				
	Giai đoạn 1 + Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,7	Hàm lượng protein ≥ 32%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
	Giai đoạn 2 (thức ăn công nghiệp hoặc cá tạp)			Hàm lượng protein ≥ 32%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản. Cá tạp tươi sống, đảm bảo chất lượng.	
	+ Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,7		
	+ Thức ăn cá tạp	FCR	≤ 4,0		
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường, vợt)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

II. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các đối tượng nuôi nước ngọt

1. Nuôi ghép cá trắm cỏ làm đối tượng chính trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá trắm, trôi, mè, chép (trong đó cá trắm cỏ chiếm 50–60% số lượng)	Con/m²	2,5	Cá giống cỡ ≥ 5 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn xanh	FCR	≤ 40,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
3	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng Protein ≥ 24%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

5	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

2. Nuôi cá trắm cỏ trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	120–30	Cá giống cỡ ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn xanh	FCR	≤ 45,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật,			

		quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

3. Định mức nuôi cá rô phi/diêu hồng trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	7	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	100	Cá giống cỡ ≥ 6 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	

2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng Protein ≥ 24%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

4. Định mức nuôi cá chình nước ngọt trong bể, quy mô áp dụng cho 300 m²

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm nước	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống bể	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m²	10	Cá giống cỡ 50–100 g/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn tươi	FCR	≤ 10,0	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

5. Định mức nuôi cá chình nước ngọt trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	01–02		

4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	10	Cá giống cỡ 100–200 g/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn tươi cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 10,0	- Đảm bảo chất lượng; - Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản; - Được chế biến và bảo quản đúng quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

6. Định mức nuôi lươn trong bể, quy mô áp dụng cho 300 m²

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống bể	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống lươn	Con/m²	60	Lươn giống cỡ ≥ 1,5 cm/con; khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 4,0	Hàm lượng Protein ≥ 20%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

7. Định mức nuôi cá trê trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m²	20	Cá giống cỡ ≥ 6 cm/con; khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng protein ≥ 18%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

8. Định mức nuôi ếch trong bể/lồng/bè, quy mô áp dụng cho 300 m²

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống bể, lồng, bè	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Ếch giống	Con/m²	80	Quy cỡ giống ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng Protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

9. Định mức kỹ thuật nuôi cá - lúa, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ao	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá chép làm chính (cá chép tỷ lệ 50%, cá rô phi đơn tính 20%, cá mè 10%, cá trắm cỏ 20%)	Con/m²	1,5–2	Cá giống cỡ 7–10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,2	Hàm lượng Protein ≥ 22%; Thức ăn bảo đảm	

				chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

10. Nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	02–04		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	10	Quy cỡ giống 1–1,3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,2	Hàm lượng protein 23–35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

11. Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04–08		
3	Máy phát điện	Bộ	01		

4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	15–20	Quy cỡ giống 1–1,3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2.5	Hàm lượng protein 23–35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

12. Nuôi luân canh tôm càng xanh - lúa, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới	Bộ	01–02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	≤ 10	Quy cỡ giống 1–1,3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein 23–35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

13. Nuôi xen canh tôm càng xanh - lúa, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy	Bộ	01–02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét cải tạo ruộng/ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	≤ 4	Quy cỡ giống 1–1,3 cm/con, khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,3	Hàm lượng protein 23–35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

14. Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	50	Quy cỡ giống ≥ 5,1 cm/con; cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng Protein ≥ 25%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

15. Nuôi ba ba trong ao/bể, quy mô áp dụng cho 500 m²

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu sản phẩm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	2	Quy cỡ giống ≥ 100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 10,0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

16. Nuôi ghép cá rô phi/diêu hồng là chính trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Rô phi/ Diêu hồng ≥ 50%	Con/m²	3	- Cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	

2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng Protein ≥ 24%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

17. Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		

7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép ≥ 50%	Con/m²	3	- Cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng Protein ≥ 24%;Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

18. Nuôi cá lóc bông trong lồng, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	02–03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m³	130	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 4,0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

19. Nuôi cá lóc bông trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	10	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 4,0	Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

20. Nuôi cá sặc rằn trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	20	Cá giống cỡ ≥ 5,5 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 4,0	Hàm lượng protein ≥ 25%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

21. Nuôi cá thát lát trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m³	50	Cá giống cỡ ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng protein > 25; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

22. Nuôi cá thát lát trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	9	Cá giống cỡ ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	

2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 3,5	Hàm lượng protein ≥ 20; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

23. Nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	5–7	Cá giống cỡ ≥ 7 g/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,3	Hàm lượng protein ≥ 28; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

24. Nuôi cá rô phi/điêu hồng bán thâm canh trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		

4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	2,5	Cá giống cỡ ≥ 5 g/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,5	Hàm lượng protein ≥ 24; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

25. Nuôi cá lăng trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng

2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	11	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm, xịt nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m^3	20	Cá giống cỡ ≥ 15 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

26. Định mức nuôi cá ngạnh (cá chốt) trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	≤ 50	Cá giống cỡ ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng Protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

27. Nuôi cá tầm trong ao/bể, quy mô áp dụng cho 500 m²

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
3	Máy phát điện	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	≥ 8	Cá giống cỡ ≥ 50 g/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng protein ≥ 35%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

28. Nuôi cá chim trắng trong ao/hồ, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01–02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01–02		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ	01–02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	2–4	Cá giống cỡ ≥ 4 cm/con; Cá khỏe mạnh; có nguồn gốc	

				xuất xứ rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng protein ≥ 25%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

29. Định mức nuôi cá leo (nheo) trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m³	20–25	Cá giống cỡ ≥ 12 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn				
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,8	Hàm lượng Protein ≥ 32%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
	Thức ăn cá tạp	FCR	≤ 4,0	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

30. Nuôi cá trắm giòn trong lồng/bè, quy mô áp dụng cho 200 m³

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–03	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm xịt nước vệ sinh	Bộ	01		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01		
5	Hệ thống lồng	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá	Con/m^3	20–30	Cá giống cỡ ≥ 10 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn				
	Thức ăn xanh	FCR	≤ 45,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
	Thức ăn đậu tằm	FCR	≤ 4,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

31. Nuôi cá cảnh trong ao, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Máy cho ăn tự động	Bộ	02–03		
4	Bơm nước	Bộ	01–02		
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt	Bộ	01		
6	Hệ thống ao nuôi	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống cá Chép KOI	Con/m²	≤ 5	Cá giống cỡ ≥ 6 cm/con; Cá khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0	Hàm lượng Protein ≥ 28%; Thức ăn bảo đảm chất lượng, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các yêu cầu về lưu thông sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về thủy sản.	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.			

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

32. Nuôi ốc bươu đen (ốc nhồi) trong bể, quy mô áp dụng cho 500 m²

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Máy phát điện	Bộ	01–02		
3	Bơm nước	Bộ	01–02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt	Bộ	01–02		
5	Hệ thống bể	Theo quy trình/TBKT được công nhận/chấp thuận, phù hợp với quy mô mô hình, dự án.			

c. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	100–200	Ốc giống cỡ ≤ 2.000 con/kg; Ốc khỏe mạnh; có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, chất lượng đảm bảo theo quy định.	
2	Thức ăn				
	Thức ăn xanh	FCR	≤ 20,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
	Thức ăn tinh	FCR	≤ 2,0	Đảm bảo chất lượng theo quy định	
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.			

4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit đo môi trường, dịch bệnh)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

33. Nuôi Trai nước ngọt lấy ngọc, quy mô áp dụng cho 01 ha

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	24	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	1–2 cán bộ

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bơm nước	Bộ	01–02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02–04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02–04		
4	Máy phát điện	Bộ	01–02		
5	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu, panh, dao kéo cấy ngọc	Bộ	01–02		
6	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con/m²	2,5	Trai nguyên liệu đã được cấy ngọc cỡ ≥ 300 gr/con; chất lượng đảm bảo, khỏe mạnh, nguồn gốc rõ ràng.	
2	Thức ăn			Thức ăn tự nhiên	

3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học	Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành; phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án và hướng dẫn của nhà sản xuất.	
4	Vật tư thiết yếu khác (Testkit bệnh, môi trường)	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

III. Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với hỗ trợ ngư lưới cụ

1. Lưới rê hỗn hợp

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ tàu/ ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6–8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (ghim đan, dao kéo, thiết bị căng, định hình tấm lưới)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình)				

c. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giềng phao	Kg	30	PP: Φ14–16 mm	Áp dụng cho 01 cheo lưới dài 50 m
2	Giềng chì	Kg	10	PP: Φ6–8 mm	
3	Chao lưới (chao phao, chao chì)	Kg	02	PE; 0,1 mm 72–108 sợi 2a = 140–180 mm	

4	Áo lưới	Kg	45–50	PE; 0,1 mm 24–72 sợi 2a = 140–180 mm	
5	Dây buộc	Kg	01	Các loại	
6	Dây phao ganh	Kg	02	PP, Φ6 mm	
7	Phao lưới (xốp nặng)	Chiếc	03	16,25x25x25 cm	
8	Chì lưới	Kg	2–2,5	55 × 15 mm, 100 g/viên	
9	Máy thu lưới bằng thủy lực	Chiếc	01	Sức kéo 2.000–2.500 kgf	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

2. Lưới rê 3 lớp cải tiến khai thác xa bờ

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ tàu/ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6–8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (ghim đan, dao kéo, thiết bị căng, định hình tấm lưới)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình)				

c. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Áo lưới (tấm trong)	Kg	2–2,5	PA: mono 0,35–0,5 mm	Áp

2	Áo lưới (tấm ngoài)	Kg	01	2a = 100–150 mm PA: mono 0,55–0,8 mm 2a = 350–600 mm	dụng cho 01 cheo lưới dài 50 m
3	Giềng phao	Kg	2,5–4	PP; Φ 6–8 mm, hoặc sợi PA số 180–300	
4	Giềng chì	Kg	0,5	PE; Φ 4 mm	
5	Phao	Cái	25–30	PVC: 80 × 20 mm	
6	Chì	Kg	3–3,5	Chì kẹp mỗi miếng 8–15 g	
7	Máy thu lưới bằng thủy lực	Chiếc	01	Sức kéo >1.500 kgf	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

3. Khai thác ghẹ bằng lồng bẫy

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Chủ tàu/ ngư dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6–8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (ghim đan, dao kéo, thiết bị căng, định hình tấm lưới)	Bộ	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình)				

c. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thép làm khung lồng	Kg	8 m (2,5–3 kg)	Thép hoặc Inox Φ 6–8 mm	Áp dụng cho 01 lồng bẫy ghẹ
2	Lưới bao	Kg	0,3–0,4	PE: 380D/12; 2a = 30–35 mm hoặc bằng sợi Inox	
3	Khóa móc mồi	Chiếc	02		
4	Dây lắp ráp lồng	Kg	0,5	Nilon: d = 0,4 mm	
5	Hộp đựng mồi	Chiếc	01	Hộp nhựa	
6	Khóa xoay	Chiếc	01	M10	
7	Dây chủ	M	20–25	PP: Φ 12–16 mm	
8	Dây phao ganh	M	50	PP: Φ 8 mm	
9	Máy thu dây chính	Chiếc	01	Sức kéo >1.000 kgf	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

4. Hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu CPF, quy mô áp dụng cho 01 tàu

a. Định mức lao động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Nông dân đối ứng
2	Công hướng dẫn chỉ đạo kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	4–8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên thiết bị, máy móc	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Bộ thiết bị chế tạo, lắp đặt mô hình (máy nén khí, bơm PU, bộ thiết bị cơ khí)	Bộ	01	Theo thông số công bố của nhà sản xuất	
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình)				

c. Định mức trang bị vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Vật liệu Polyurethane foam	Kg	1.200–1.500	Chiều dày Polyurethane foam 15 cm; tỷ trọng Polyurethane foam ≥ 65 kg/m³.	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
2	Khung xương Composite	M	≤ 400	Hình hộp chữ nhật 50 × 50 mm, dài theo yêu cầu kích thước hầm bảo quản được thiết kế, độ dày 5 mm.	
3	Tấm composite	m²	150–160	Tấm composite đúc sẵn độ dày > 5 mm, bề mặt phủ Gelcoat dày 1 mm.	
4	Đinh vít, chấu thép liên kết	Kg	20	Đinh Inox SUS 304; Chấu thép 150 × 50 × 5 mm.	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	01	≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	02		
2	Hội nghị tổng kết				
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01	01 ngày	

IV. Định mức kinh tế - kỹ thuật lưu giữ giống gốc, giống thuần, phát triển quỹ gen các giống thủy đặc sản quý có giá trị cao

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật lưu giữ và nhân giống gốc một số loài thủy sản nước ngọt

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá chạch sông	Cá nheo Mỹ	Cá rô phi đỏ (cá diêu hồng)	Cá rô đồng	Cá chép V1
1	**Định mức kỹ thuật**						
1.1	Khối lượng cá bố mẹ						
	- Cá đực	Kg/con	> 0,07	≥ 2,5	≥ 0,3	≥ 0,03	≥ 2,5
	- Cá cái	Kg/con	> 0,08	≥ 2,5	≥ 0,3	≥ 0,04	≥ 2,5
1.2	Tỷ lệ nuôi vỗ cá bố mẹ	Đực/cái	1:2	1:1	1:1	1:1	1:1
1.3	Tỷ lệ cá bố mẹ hao hụt sau sinh sản	%	30–35		7	5–10	10
	- Cá đực	%		35			
	- Cá cái	%		15			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá chạch sông	Cá nheo Mỹ	Cá rô phi đỏ (cá diêu hồng)	Cá rô đồng	Cá chép V1
1.4	Thời gian sử dụng cá bố mẹ sau thành thục lần đầu	Năm	4	4	3	3	4
1.5	Sức sinh sản thực tế	Cá bột/1 kg cá cái	2.500	2.500	≥ 1.000	30.000–40.000	40.000
1.6	Tỷ lệ sống						
	- Cá bột lên cá hương	%	> 65	≥ 70	≥ 60	20–30	≥ 40%
	- Cá hương lên cá giống	%	> 65	≥ 75	≥ 70	55–65	≥ 70%
1.7	Kích cỡ cá giống	Cm/con	> 4–8	> 5	≥ 2,5	≥ 2,5	≥ 4
1.8	Thời gian ương						
	- Cá bột lên cá hương	Ngày	25–30	30–35	25–40	01–25	30–40
	- Cá hương lên cá giống	Ngày	30–40	65–90	35–45	01–30	60–65
2	**Định mức thức ăn**						
2.1	Thức ăn cho cá bố mẹ						
	- Thức ăn công nghiệp (> 40% đạm)	% khối lượng cá/ngày	3–5				
	- Thức ăn nuôi thành thục cá bố mẹ						
	+ Thức ăn công nghiệp (≥ 40% đạm)	*% khối lượng cá/ngày*		*5*			*5*
	+ Thức ăn công nghiệp (35–39% đạm)	*% khối lượng cá/ngày*			*5*	*5*	
	- Thức ăn nuôi duy trì cá bố mẹ						
	+ Thức ăn công nghiệp (≥ 40% đạm)	*% khối lượng cá/ngày*		*3*			*3*
	+ Thức ăn công nghiệp (35–39% đạm)	*% khối lượng cá/ngày*			*2*	*3*	
2.2	Thức ăn cho cá từ giai đoạn cá bột lên giống						
	- Thức ăn công nghiệp (> 40% đạm)						
	+ Thức ăn công nghiệp ương từ cá bột lên cá hương	Kg/vạn cá/ngày				0,04–0,1	
	+ Thức ăn công nghiệp ương từ cá hương lên cá giống	Kg/vạn cá/ngày				0,3–0,7	
	- Thức ăn công nghiệp (> 35% đạm)	% khối lượng cá/ngày	5	15		10–15	10

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá chạch sông	Cá nheo Mỹ	Cá rô phi đỏ (cá diêu hồng)	Cá rô đồng	Cá chép V1
	- Thức ăn công nghiệp (30–34% đạm)	% khối lượng cá/ngày			7		
	- Động vật phù du	Kg/vạn cá/ngày	15–20	250			
	- Trùn chỉ	Kg/vạn cá/ngày	10–15				
3	**Định mức kích dục tố, hóa chất, phân bón và thuốc chữa bệnh**						
3.1	Kích dục tố						
3.1.1	LRHa						
	- Cá đực	µg/1 kg cá bố mẹ		75		10	10–15
	- Cá cái	µg/1 kg cá bố mẹ		150		20	30–35
3.1.2	Domperidon						
	- Cá đực	mg/1 kg cá bố mẹ		2,5		10	3–5
	- Cá cái	mg/1 kg cá bố mẹ		5		20	10–15
3.1.3	HCG						
	- Cá đực		200				
	- Cá cái	Ul/kg cá bố mẹ	600				
3.1.4	Não thùy thể	Ul/kg cá bố mẹ					
	- Cá đực	mg/kg cá bố mẹ	10			3–5	
	- Cá cái	mg/kg cá bố mẹ	30			6–9	
3.2	Hoá chất, phân bón						
	- Khử trùng ao nuôi	Kg hoặc lít/m^2	0,1	0,01	0,01	0,02	0,01
	- Chất xử lý môi trường ao	Kg hoặc lít/m^2	0,1	0,1	0,1	0,2	0,1
	- Khử trùng bể nuôi	Kg hoặc lít/m^3		0,1			
	- Chất xử lý môi trường bể	Kg hoặc lít/m^3			0,1		
	- Phân bón gây nuôi thức ăn tự nhiên	Kg hoặc lít/m^3	0,1	0,1	0,1		0,1
3.3	Thuốc chữa bệnh (so với tổng chi phí thức ăn)	%	3–5	5	5	5–8	5
4	**Định mức lao động**						
4.1	Lao động kỹ thuật					100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá chạch sông	Cá nheo Mỹ	Cá rô phi đỏ (cá diêu hồng)	Cá rô đồng	Cá chép V1
	- Cho 100 kg cá bố mẹ	Công	145	10	70		145
	- Cho 1 vạn cá giống	Công	45	4	20		12
4.2	Lao động phổ thông					60	
	- Cho 100 kg cá bố mẹ	Công	95	15	60		80
	- Cho 1 vạn cá giống	Công	15	7	20		15
5	**Mật độ ương, nuôi**						
5.1	Mật độ nuôi cá bố mẹ						
	- Tính theo kg	Kg/m²				1–2	4–5
	- Tính theo con	Con/100 m²	10–20	20–25			
		Con/m²			2,5		
5.2	Mật độ ương cá bột lên cá hương						
	- Trong bể/giai	Con/m³	12.000–16.000	6.000–8.000	≤ 2.000		
	- Trong ao	Con/m²		100–150		300–400	100–150
5.3	Mật độ ương cá hương lên cá giống						
	- Trong bể/giai	Con/m³	350–500	3.000–4.000			
	- Trong ao	Con/m²		50–70	≤ 200	100–200	20–30
6	**Định mức khác**						
6.1	Điện						
	- Cho 100 kg cá bố mẹ	kW	3.100	500	3.600		2.000
	- Cho 1 vạn cá giống	kW	1.000	300	1.100		600
6.2	Xăng, dầu						
	- Cho 100 kg cá bố mẹ	Lít	25	25	25		25
	- Cho 1 vạn cá giống	Lít	25	25	25		25
6.3	Vật rẻ tiền mau hỏng (so với chi phí thức ăn)	%	10	10	10	10	10
6.4	Khấu hao, sửa chữa thường xuyên (so với chi phí thức ăn)	%	15	7	15	10	15
7	**Định mức máy móc, thiết bị**						
7.1	Bơm nước	Bộ/Mô hình		01–02	01–02	01–02	01–02
7.2	Hệ thống quạt nước	Bộ/Mô hình		01–02	01–02	01–02	01–02
7.3	Hệ thống sục khí	Bộ/Mô hình		01–02	01–02	01–02	01–0
7.4	Máy phát điện	Bộ/Mô hình		01–02	01–02	01–02	01–02
7.5	Máy cho ăn tự động	Chiếc/Mô hình		02–03	02–03	02–03	02–03

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá chạch sông	Cá nheo Mỹ	Cá rô phi đỏ (cá diêu hồng)	Cá rô đồng	Cá chép V1
7.6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Bộ/Mô hình		01–02	01–02	01–02	01–02

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật lưu giữ và sản xuất giống gốc một số loài hải sản

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu	Cá bống bớp	Tôm càng xanh	Cá nâu	Cá ong bầu	Cá dìa
1	**Định mức kỹ thuật**							
1.1	Khối lượng giống bố mẹ cho sinh sản							
	- Con đực	Kg/con	≥ 8	≥ 0,08	≥ 0,035	≥ 0,2	≥ 0,08	≥ 0,3
	- Con cái	Kg/con	≥ 4	≥ 0,08	≥ 0,025	≥ 0,3	≥ 0,12	≥ 0,5
1.2	Tỷ lệ ghép cặp sinh sản	Con đực/con cái	1:1	1:1	1:2	1:1	1:1	1:1
1.3	Tỷ lệ hao hụt sau khi sinh sản	%	5–8	40–50	3–5	5–8	5–8	8–10
1.4	Thời hạn sử dụng tối đa của giống bố mẹ sau thành thục lần đầu	Tháng	48	12	12	24	48	36
1.5	Sức sinh sản	Cá bột/1 kg con cái	24.500	32.000		800.000	400.000	1.250.000
		Nauplii /1 kg con cái			400.000			
1.6	Tỷ lệ sống							
	- Cá bột lên cá hương	%	10–12	50–60		5-7	10–12	10–12
	- Cá hương lên cá giống	%	65–70	60–70		50-60	50–60	50–60
	- Từ ấu trùng lên giống	%			25–30			
1.7	Kích cỡ con giống *(chiều dài toàn thân*	cm	8-9	2-3	1,1–1,3	1-2	> 1	> 1
2	**Định mức thức ăn**							
2.1	Thức ăn cho giống bố mẹ							
	- Thức ăn công nghiệp (>40% protein)	% khối lượng giống bố mẹ/ ngày	5	5	5	5	5	5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu	Cá bống bớp	Tôm càng xanh	Cá nâu	Cá ong bầu	Cá dìa
	- Thức ăn tươi sống	% khối lượng giống bố mẹ/ ngày	10	12	10	10	10	10
2.2	Thức ăn cho con giống							
	- Tảo khô, vitamin, thức ăn tổng hợp	Kg/vạn con giống		2	2	2	2	2
	- Artemia để ương nuôi con giống	Kg/vạn con giống	20–25	12–15	12	8-10	6-8	8-10
	- Thức ăn công nghiệp (>40% protein)	% khối lượng cá/ngày	15	5	5	5	5	5
3	**Định mức kích dục tố; sản phẩm xử lý môi trường nuôi, thuốc phòng, trị bệnh**							
3.1	Kích dục tố							
	- LRHa							
	+ Cá đực	µg/1 kg cá bố mẹ	20	10		40	40	40
	+ Cá cái	µg/1 kg cá bố mẹ	200	100		80	80	80
	- Domperidon							
	+ Cá đực	Mg/1 kg cá bố mẹ	3	2		1	1	1
	+ Cá cái	µg/1 kg cá bố mẹ	6	4		2	2	2
	- HCG							
	+ Cá đực	UI/1 kg cá bố mẹ	1.000	50		1.500	1.500	1.500
	+ Cá cái	UI/1 kg cá bố mẹ	3.000	300		3.000	3.000	3.000
3.2	Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu	Cá bống bớp	Tôm càng xanh	Cá nâu	Cá ong bầu	Cá dìa
	- Cải tạo ao nuôi, khử trùng trang thiết bị, dụng cụ	Kg hoặc lít/m^2	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
	- Chất xử lý môi trường trong quá trình nuôi	Kg hoặc lít/m^3	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
3.3	Thuốc phòng, trị bệnh (so với tổng chi phí thức ăn)	%	8–10	3–5	3–5	8–10	8-10	8–10
4	**Định mức lao động**							
4.1	Lao động kỹ thuật							
	- Giống bố mẹ *(tính cho 100 kg đối với cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu; cá mú chuột/cá song chuột, cá bống bớp; tính cho 10 kg đối với tôm xanh)*	Ngày công	155	135	135	135	135	135
	- Cho 1 vạn con giống	Ngày công	70	45	55	45	70	45
4.2	Lao động phổ thông							
	- Giống bố mẹ *(tính cho 100 kg đối với cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu; cá mú chuột/cá song chuột; cá bống bớp; tính cho 10 kg đối với tôm càng xanh)*	Ngày công	110	55	45	110	110	110
	- Cho 1 vạn con giống	Ngày công	65	30	30	40	65	40
5	**Định mức khác**							
5.1	Điện (tính theo công suất, thời gian sử dụng của thiết bị, máy móc)							
	- Giống bố mẹ *(tính cho 100 kg đối với cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu; cá mú chuột, cá bống bớp; tính cho 10 kg đối với tôm càng xanh)*	kW	4.320	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
	- Cho 1 vạn con giống	kW	5.400	1.080	1.080	1.080	1.080	1.080
5.2	Xăng dầu							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu	Cá bống bớp	Tôm càng xanh	Cá nâu	Cá ong bầu	Cá dìa
	- Giống bố mẹ *(tính cho 100 kg đối với cá mú đen chấm nâu/cá song chấm nâu; cá mú chuột, cá bống bớp; tính cho 10 kg đối với tôm càng xanh)*	Lít	100	25	25	100	100	100
	- Cho 1 vạn con giống	Lít	100	25	25	100	100	100
5.3	Vật rẻ tiền mau hỏng (so với chi phí thức ăn)	%	15	10	10	15	15	15
5.4	Sửa chữa thường xuyên (so với chi phí thức ăn)	%	15	15	15	15	15	15
6	**Định mức máy móc, thiết bị/ha**							
6.1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01–02	01–02	01–02	01–02	01–02	01–02
6.2	Hệ thống quạt nước	Bộ/Mô hình	03–04	02–04	04–08	03–04	03–04	03–04
6.3	Hệ thống sục khí	Bộ/Mô hình	03–04	02–04		03-04	03-04	03–04
6.4	Máy phát điện	Bộ/Mô hình	01–02	01–02	01	01	01	01
6.5	Máy cho ăn tự động	Chiếc/ Mô hình	03–04	03–04				
6.6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu	Chiếc/ Mô hình	01–02	01–02	01–02	01–02	01–02	01–02